

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2022/DS-PT

Ngày 30 - 8 - 2022

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất,
tài sản trên đất và yêu cầu bồi thường
thiệt hại về tài sản.”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Lực

Ông Nguyễn Văn Mến

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Kim Thị Nga, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh:** Ông Thạch Vũ, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 8 năm 2022 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2022/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 268/2022/QĐPT-DS ngày 16 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Kim Thị R, sinh năm 1959. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Kim Thị R: anh Thạch S, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp N, xã B, huyện L, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 18/8/2020). (có mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Kim Thị R, Luật sư Nguyễn Tấn L, thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung Tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- **Bị đơn:**

1/ Ông Lâm Thành N, sinh năm 1967. (có mặt)

2/ Bà Kiên Thị L, sinh năm 1965. (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lâm Thành N và bà Kiên Thị L có ông Diệp Minh T là Trợ giúp viên pháp lý của Trung Tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Anh Lâm Thanh D, sinh năm 1989. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2/ Anh Lâm Hoàng A, sinh năm 1987. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Lâm Hoàng A: bà Kiên Thị L, sinh năm 1966. Địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 16/6/2021). (vắng mặt)

3/ Chị Thạch Thị Ngọc M, sinh năm 1990. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người đại diện theo ủy quyền của chị Thạch Thị Ngọc M: bà Kiên Thị L, sinh năm 1966. Địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 24/6/2022). (có mặt)

4/ Bà Kim Thị M, sinh năm 1961. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã Q, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Kim Thị M: anh Thạch S, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp N, xã B, huyện L, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 28/8/2022). (có mặt)

5/ Bà Kim Thị S, sinh năm 1969. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện N, tỉnh Vĩnh Long.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Kim Thị S: anh Thạch S, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp N, xã B, huyện L, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 28/8/2020). (có mặt)

6/ Bà Ngô Thị E, sinh năm 1934. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị E: anh Thạch S, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp N, xã B, huyện L, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 28/8/2020). (có mặt)

7/ Anh Thạch S, sinh năm 1980. (có mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã B, huyện L, tỉnh Trà Vinh.

8/ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện C tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: khóm L, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

9/ Ông Thạch G, sinh năm 1934 (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Thạch G.

- Bà Thạch Thị Y, sinh năm 1968. (vắng mặt)

- Ông Thạch P, sinh năm 1970. (vắng mặt)
 - Bà Thạch R, sinh năm 1972. (vắng mặt)
 - Bà Thạch I, sinh năm 1974. (vắng mặt)
 - Bà Thạch Thị O, sinh năm 1978. (vắng mặt)
- Cùng địa chỉ: ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người phiên dịch:* Ông Kim Thành L, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Phường H, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

Người kháng cáo: Bà Kim Thị R là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/7/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/7/2021, và biên bản ghi lời khai của nguyên đơn bà Kim Thị R có ý kiến trình bày và yêu cầu như sau: Nguồn gốc đất tranh chấp diện tích 2.630m² thuộc thửa 1327, tờ bản đồ số 09, loại đất lúa, bà Kim Thị R đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích 470m² thuộc thửa 1332, loại đất BHK tờ bản đồ số 09, trước đây vào năm 1994 do bà Kim Thị R nhận chuyển nhượng của bà Thạch Thị U, ông Kim M, ông Kim A, đất tọa lạc ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; hai bên có làm giấy tay với nhau có chính quyền áp xác nhận cho bà R mua với giá là 2,2 chỉ vàng 24k, và bà canh tác làm ruộng từ 1994 cho đến năm 2017 thì bà Kiên Thị L đòi chia cho bà diện tích 01 công đất ruộng bà R không đồng ý, thì bà L cản trở không cho bà R xuống canh tác hết thửa 1327 đất này, và bỏ đất trống cho đến nay, ngoài ra bà Kiên Thị L và ông Lâm Thành N còn ngang nhiên xuống cất nhà tường xây dựng cơ bản trên phần diện tích 470m² thửa 1332 của bà. Nay nguyên đơn bà Kim Thị R yêu cầu Tòa án giải quyết như sau.

Buộc bà Kiên Thị L và ông Lâm Thành N trả lại diện tích đất 2.630m², thuộc thửa 1327, tờ bản đồ số 9, loại đất lúa, tọa lạc ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho bà Kim Thị R sử dụng. Đồng thời yêu cầu bà Kiên Thị L và ông Lâm Thành N phải bồi thường thiệt hại bằng 20.000.000đồng (*Hai mươi triệu đồng*), do cản trở bà không canh tác được trong thời gian từ năm 2017 cho đến nay.

Ngoài ra bà Kim Thị R còn yêu cầu vợ chồng ông Lâm Thành N và bà Kiên Thị L, anh Lâm Thanh D tháo dỡ 02 căn nhà xây tường, và mái che lợp tôn xây tường lững gắn lưới B40 để trả lại đất diện tích 470m², thuộc thửa 1332, tờ bản đồ số 09, tọa lạc ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho bà Kim Thị R được đứng tên và sử dụng đất.

Theo bản tự khai ngày 24/4/2019, ngày 25/9/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Kiên Thị L có ý kiến trình bày và yêu cầu như sau: Trước đây cha bà là ông Thạch G và mẹ bà là Ngô Thị E có 4 công đất ở xã Y cha chia cho các con mỗi người 01 công, sau đó cha có bàn bạc với các chị em bán 04 công đất này được 4,5 chỉ vàng 24k, cho chị thứ ba tên M 01 chỉ, làm đôi bông trứng cá cho chị thứ hai tên R 01 chỉ, còn lại 2,5 chỉ vàng 24k, bà có hỏi bà E bà không có phần hả, thì mẹ bà trả lời, nếu bà lấy số vàng đó thì vàng đâu mà mua đất, và

mẹ nói mua đất thửa 1327 diện tích 2.630m², cho hai chị em là chị hai và bà, nhưng bà R là chị cả để chị đứng tên và mỗi vụ lúa bà R làm cho bà 01 bao, tại thời điểm năm 1994 bà R là hộ nghèo làm gì có tiền để mua đất đó, bà Kim Thị S không liên quan đến số đất này vì bà đi theo chồng, mới nhập hộ khẩu về sống với bà E, còn bà nuôi cha, chị R nuôi mẹ. Nên bà yêu cầu phần đất này chia 2 phần bằng nhau, đối với việc bà R yêu cầu bồi thường 20.000.000đồng (*Hai mươi triệu đồng*), do bà không canh tác được bà không đồng ý. Đối với thửa 1332, diện tích 470m², nguồn gốc là đất giãn dân của Nhà nước cho vợ chồng bà xuống canh tác cất nhà ở từ năm 1985 cho đến nay, đến năm 1992 chồng bà là ông Lâm Thành N kê khai đăng ký đứng tên trong sổ bộ, chứ không phải đất của bà R mua, nay bà R yêu cầu bà và con bà tên D dỡ nhà, và mái che để trả đất lại cho bà R là bà không đồng ý.

Nay bà có yêu cầu phản tố bà yêu cầu bà Kim Thị R chia cho bà 1.000m² thuộc thửa 1327 tờ bản đồ số 9 nằm trong tổng diện tích đất 2.630m² (Thực đo là 2.906m²) và yêu cầu công nhận cho hộ gia đình bà được sử dụng 470m².

Theo bản tự khai ngày 25/8/2019, ngày 18/8/2020, và ngày 01/07/2021, tR quá trình giải quyết vụ án ông Lâm Thành N trình bày: ông là con rể bà Ngô Thị E là chồng bà Kiên Thị L, phần đất ruộng thửa 1327, diện tích 2.630m² vào năm 1994 do bà R là hộ nghèo làm gì có tiền mua, chỉ nhờ cha bán đất tọa lạc tại xã Hưng Mỹ, huyện C mới mua được, nên yêu cầu chia cho vợ ông 01 công đất của thửa này.

Riêng thửa 1332 diện tích 470m² là đất giãn dân vợ chồng ông được Ủy ban nhân dân xã O, huyện C cho ông sử dụng lên lợp cất nhà từ 1985, đến năm 1992 ông đứng ra kê khai đăng ký chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nay ông và con ông tên Lâm Thanh D cất nhà tường cấp 4 trên thửa đất này, bà R yêu cầu ông di dời nhà trả đất lại cho bà thì ông không đồng ý.

Nay ông có yêu cầu phản tố bà yêu cầu bà Kim Thị R chia cho bà 1.000m² thuộc thửa 1327 tờ bản đồ số 9 nằm trong tổng diện tích đất 2.630m² (Thực đo là 2.906m²) và yêu cầu công nhận cho hộ gia đình bà được sử dụng 470m²

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Theo lời trình bày của anh Lâm Thanh D tại bản tự khai ngày 25/9/2020, ngày 19/3/2021: khi anh lớn lên nghe cha mẹ anh nói lại bác hai tên Kim Thị R là hộ nghèo không có tiền mua đất, mà thửa đất 1327 này là do ông ngoại bán đất ở xã Y về mua bác hai là chị cả nên để cho đứng tên, nhưng năm nào bác hai cũng đóng lúa chia cho gia đình mẹ anh ăn, nên mẹ anh phải được hưởng ½ thửa đất 1327. Còn riêng thửa đất 1332 diện tích 470m² là đất giãn dân Nhà nước cấp cho cha mẹ anh từ năm 1983 và canh tác sử dụng cho đến nay, anh đã cất nhà tường cơ bản trên đất này, nay bà R nói đất của bà không có giấy tờ gì chứng minh, nên anh không đồng ý trả theo yêu cầu của bà R.

Tại bản tự khai ngày 25/9/2020, ngày 19/3/2021 anh Lâm Hoàng A trình bày: bác hai là bà Kim Thị R trước đây vào thời điểm 1994 là hộ nghèo cơm không có ăn có tiền đâu mà mua đất, số đất thửa 1327, diện tích 2.630m² là của bà ngoại bán đất ăn chung tại xã Y được 4,5 chỉ vàng 24k, bà ngoại cho di thứ ba tên Kim

Thị M ở Vĩnh Long 01 chỉ, mua đôi bông cho bà R 01 chỉ, còn 2,5 chỉ vàng mua đất này nhưng để bà R đứng tên, nay mẹ anh cấm cộc chia mỗi người phân nửa để canh tác thì bà R không đồng ý và đi khởi kiện.

Đối với thửa đất 1332, diện tích 470m² cùng tọa lạc tại ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, nguồn gốc là của Nhà nước cấp đất giãn dân cho cha mẹ anh vào năm 1985, cha mẹ anh đắp nền nhà và cất nhà tường cơ bản làm hàng rào xây tường gắn lưới B40, và cha anh là Lâm Thành N đã kê khai đăng ký đứng tên bộ năm 1992 chưa được cấp giấy chứng nhận, bà R đòi lại nhưng bà không có giấy tờ gì chứng minh đất này của bà, nên anh không đồng ý trả mà yêu cầu được tiếp tục sử dụng ở trên đất đó.

Bà Ngô Thị E trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 11/6/2021: bà với ông Thạch G sống chung được 03 đứa con là: Kim Thị R, Kim Thị M, và Kiên Thị L, sau đó bà có chồng sau được 01 người con tên Kim Thị S, trong thời gian sống chung với ông G vợ chồng bà không có tạo ra đất ruộng chung, và chính quyền chế độ cũ cũng không có cấp đất gì cho, mà cha mẹ ruột bà có đất ở xã Y được 09 công, cho hai chị em bà với bà Hớ mỗi người 4,5 công, bà bán được 09 chỉ vàng 24k, chia cho 04 người con bà mỗi người được 02 chỉ vàng, còn lại 01 chỉ thì bà mua đất của bà Thạch Thị O hết 05 phân vàng, còn thửa 1327 diện tích 2.630m², và thửa 1332, diện tích 470m², phía sau nhà bà ấp Q, xã H là của Kim Thị R mua của ông KhLen (cha ông Kim A) chứ bà không có mua đất đó, nên bà cũng không có ý kiến yêu cầu gì.

Ông Thạch G trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 11/6/2021 như sau: Ông với bà Ngô Thị E là vợ chồng sống với nhau được 03 đứa con tên thường gọi đứa thứ 2 là P sống chung với bà E, thứ 3 là KhM có chồng ở Vĩnh Long, đứa thứ 4 là Q ở Q, còn tên trong giấy thì ông không biết do bà E tự đặt tên, ông với bà E ly hôn trước 1975 không có ra Tòa, trong thời gian sống chung với bà E không có tạo ra tài sản đất đai gì hết, do lúc đó vợ chồng nghèo chế độ cũ có cấp đất người cày có ruộng vào năm 1973 được 15 công ở xã M, khi thôi nhau ông bỏ đi không lấy công nào, để lại cho bà E quản lý hết để nuôi con, nay bà E bán làm gì thì làm ông không có ý kiến, và không có tranh chấp, vì thôi nhau quá lâu rồi.

Do ông Thạch G đã chết ngày 28 tháng 6 năm 2021 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Thạch G gồm: Ông Thạch P, bà Thạch Thị Y, bà Thạch Thị O; ông Thạch I và bà Thạch R cùng có ý kiến là các ông bà là con của ông G với bà vợ sau, nên các ông, bà không có yêu cầu gì đối với phần tài sản tranh chấp này.

Bà Kim Thị S trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 22/4/2019, và ngày 19/3/2021: Bà là chị em 01 mẹ khác cha với bà Kim Thị R, bà Kim Thị M, và bà Kiên Thị L, trước đây vào năm 1994 lúc mẹ bà là Ngô Thị E còn mạnh có bán 4 công đất ở xã M, chia cho chị em mỗi người được 02 chỉ vàng, cho bà 02 chỉ vàng đem về quê chồng ở Vĩnh Long mua đất, cho bà M 02 chỉ vàng về Vĩnh Long sửa nhà, cho bà L 02 chỉ vàng mua đất nền nhà ấp Q, xã H diện tích khoảng 500m² có cất nhà hiện nay vẫn còn, cho bà M 02 chỉ vàng bà R mua 03 công đất của anh em ông Kim A, nhưng bà mới làm giấy được 2.630m², còn lại 470m² chị L cất nhà

trên đó nên chưa làm giấy được, bà khẳng định hai phần đất này là của riêng bà R mua, chứ không phải đất của mẹ của bà nên bà L đòi chia 01 công là không đúng, bà có ý kiến là bà L phải trả lại cho bà R hết 02 thửa đất tranh chấp này.

Bà Kim Thị M ủy quyền cho anh Thạch S tham gia tố tụng nên không có lời trình bày.

Anh Thạch S có bản tự khai ngày 18/8/2020, và ngày 19/3/2021 trình bày như sau: Vào năm 1994 mẹ anh là bà Kim Thị R có nhận chuyển nhượng của ông Kim A ngụ cùng ấp Q, xã Hòa Lợi diện tích 03 công đất ruộng, nhưng mẹ anh mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2.630m² thuộc thửa 1327, còn diện tích 470m² thuộc thửa 1332, cùng bản đồ số 09, thì chưa được cấp giấy chứng nhận, đến năm 2017 thì bà Kiên Thị L và ông Lâm Thành N, ông Lâm Thanh D, Lâm Hoàng A ngang nhiên đến cất 02 căn nhà trên thửa 1332 và đòi chia 01 công đất lúa thửa 1327, gia đình anh không đồng ý chia, thì bà L ngăn cản không cho gia đình anh xuống canh tác diện tích 2.630m² đất lúa. Nay anh yêu cầu bà Kiên Thị L, ông Lâm Thành N, ông Lâm Thanh D, và Lâm Hoàng A di dời 02 căn nhà có trên thửa 1332 để trả đất lại cho mẹ anh sử dụng.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện C tỉnh Trà Vinh - Phòng giao dịch H có văn bản trình bày như sau: Ngân hàng có cho nguyên đơn bà Kim Thị R vay tiền, và bà Kim Thị R có thể chấp giấy quyền sử dụng diện tích 2.630m², thuộc thửa 1327, tờ bản đồ số 09, tọa lạc ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Tính đến ngày 13/7/2021 bà Kim Thị R đã trả nợ cho Ngân hàng hiện còn nợ lại tiền gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 6.557.100 đồng, bà R đã tự thỏa thuận trả nợ với Ngân hàng, nên Ngân hàng không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Theo công văn số: 281/CNHCT ngày 23/10/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện C: Tổng diện tích tranh chấp hai thửa là 3.363m², phần đất thửa 1327(diện tích thực đo là 2.906m²), thửa 1332 (diện tích thực đo 457m²), cùng tờ bản đồ số 09, trên thửa đất 1332 có 02 căn nhà xây tường cấp 4 gồm: 01 căn nhà của Lâm Thành N có diện tích 122,57m², 01 mái che phía trước xây tường lững có gắn lưới B40 diện tích 31,46m²; và 01 căn nhà sau của anh Lâm Thanh D có diện tích 66,71m².

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2022/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C đã xử:

Căn cứ vào Khoản 3, 9 điều 26; Điều 35; Điều 39; 147, 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 115, 158; Điều 159; Điều 164; Điều 169; Điều 170; Điều 189; Điều 190, Điều 584, 585 và 589 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 100; Điều 166; và 203 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kim Thị R:

- Buộc bà Kiên Thị L và ông Lâm Thành N không được cản trở, lấn chiếm quyền sử dụng đất diện tích 2.630m² (diện tích thực đo 2.906m²) thuộc thửa 1327,

tờ bản đồ số 09, loại đất lúa, do bà Kim Thị R đứng tên quyền sử dụng đất tọa lạc ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Đất có vị trí, kích thước tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa 1332, kích thước 49,14m.
- Hướng Tây giáp thửa 1326, kích thước đoạn 22,64m; đoạn 23,51m.
- Hướng Nam giáp thửa 1333, kích thước 61,41m.
- Hướng Bắc giáp thửa 1316, kích thước 62,09m.

(Kèm theo có sơ đồ khu đất công văn số: 281/CNHCT, ngày 23/10/2020).

- Buộc bà Kiên Thị L và ông Lâm Thành N bồi thường thiệt hại do cản trở không cho bà Kim Thị R canh tác sử dụng diện tích 01 công đất nằm trong phần diện tích 2.630m² (diện tích thực đo 2.906m²) thuộc thửa 1327, tờ bản đồ số 09, loại đất lúa, tọa lạc ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, trong thời gian từ năm 2017 đến năm 2021 với số tiền bằng 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

- Không chấp nhận việc bà Kim Thị R yêu cầu bà Kiên Thị L và ông Lâm Thành N, và anh Lâm Hoàng A di dời 01 căn nhà tường cấp 4 có diện tích 122,57m², 01 mái che phía trước xây tường lững có gắn lưới B40 diện tích 31,46m², và buộc Lâm Thanh D di dời căn nhà sau xây tường có diện tích 66,71m², để trả lại quyền sử dụng đất diện tích 470m² (thực đo 457m²) thuộc thửa 1332, tờ bản đồ số 09, loại đất BHK (đất trồng màu) tọa lạc ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho bà R.

Đất có vị trí, kích thước tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa 1328;1329;1331, có kích thước đoạn 8,62m; đoạn 4,00m; đoạn 19,89m; đoạn 4,28m; đoạn 4,49m.
- Hướng Tây giáp thửa 1327, có kích thước 49,14m.
- Hướng Nam giáp thửa 1333, có kích thước 12,04m.
- Hướng Bắc giáp thửa 1316, có kích thước 11,36m.

(Kèm theo có sơ đồ khu đất công văn số: 281/CNCT ngày 23/10/2020).

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Kiên Thị L và ông Lâm Thành N đối với yêu cầu phần diện tích đất 470m² (thực đo 457m²) thuộc thửa 1332, tờ bản đồ số 09, loại đất BHK (đất trồng màu) tọa lạc ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Kiên Thị L và ông Lâm Thành N đối với diện tích đất 1.000m² thuộc một phần thửa 1327 tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về chi phí thẩm định, định giá tài sản, án phí và giành quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09 tháng 5 năm 2022, nguyên đơn bà Kim Thị R kháng cáo yêu cầu như sau:

- Buộc bà Kiên Thị L, ông Lâm Thành N phải bồi thường thiệt hại cho bà số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng trong 06 năm mà bà L và ông N đã ngăn cản không cho bà canh tác và sử dụng thửa đất số 1327, tờ bản đồ số 9, diện tích

2.630m² (thực đo: 2.906m²) loại đất: LUC, tọa lạc: ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Buộc bà Kiên Thị L, ông Lâm Thành N, Lâm Hoàng A, Lâm Thanh D phải trả lại cho bà thửa đất 1332, diện tích 470m² (thực đo: 457m²), tờ bản đồ số 9, loại đất CLN, tọa lạc: ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh và yêu cầu di dời 02 căn nhà trên phần đất này.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện của nguyên đơn là anh Thạch S vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, các đương sự không thỏa thuận được giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa phúc thẩm.

Quan điểm luận cứ của luật sư Nguyễn Tấn L bảo vệ quyền, lợi ích cho bà Kim Thị R cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà R yêu cầu bị đơn trả lại thửa đất 1332 Vì cho rằng:

Thửa đất 1327 và thửa đất 1332 do bà Kim Thị R nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Kim A năm 1994, đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 1327. Riêng thửa đất 1332 do diện tích nhỏ nên chưa được cấp giấy, nguyên đơn đã sử dụng cất nhà sau và lối đi duy nhất để đi vào thửa đất số 1327 để canh tác đất từ nhiều năm nay. Việc tòa án không chấp nhận yêu cầu nguyên đơn trả thửa đất 1332 dẫn đến nguyên đơn không còn lối đi nào khác để vào thửa đất 1327. Bị đơn cho rằng thửa đất 1332 do bị đơn được giao đất khi thực hiện chính sách giãn dân từ năm 1983. Tuy nhiên năm 1983 ông N chỉ mới 16 tuổi, sống phụ thuộc gia đình và chưa đủ năng lực để được nhận đất theo quy định của pháp luật. Ngoài ra bị đơn cũng không có cung cấp được chứng cứ được nhà nước giao đất giãn dân tại thời điểm đó. Mặc khác, tại thời điểm năm 1993 theo tư liệu địa chính là do tập đoàn sản xuất quản lý với diện tích rất lớn chứ không phải để thực hiện giãn dân theo như bị đơn trình bày. Sau khi rã tập đoàn sản xuất giao lại đất cho ông Kim A chứ không giao lại cho bị đơn sử dụng. Ngày 04/01/1993 do ông Lâm Thành N đứng tên kê khai thửa đất 1332 với nguồn gốc là do cha mẹ cho. Điều này cho thấy bị đơn khai càng thêm mâu thuẫn với lời trình bày tại phiên tòa.

Nguyên đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản do trong thời gian 05 năm không thể canh tác thửa đất 1327 với số tiền 20.000.000 đồng. Việc bị đơn tự ý chiếm sử dụng 1000m² nằm trong diện tích 2.630m² thuộc thửa đất 1327 và vị trí diện tích 1000m² đó có lối đi vào phần diện tích còn lại của thửa đất số 1327. Điều này dẫn đến việc nguyên đơn không thể canh tác được toàn bộ diện tích 2.630m² gây thiệt hại mất thu nhập cho nguyên đơn là có thật và có căn cứ chấp nhận. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Quan điểm của trợ giúp viên pháp lý ông Diệp Minh Tr bảo vệ quyền, lợi ích cho ông Lâm Thành N, bà Kiên Thị L cho rằng: Qua tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án quá trình sử dụng đất nguyên đơn khởi kiện bị đơn đòi lại thửa đất 1332 nhưng nguyên đơn không có tài liệu chứng cứ chứng minh thửa đất đó của nguyên đơn được cấp, về phía bị đơn trong quá trình sử dụng năm từ 1985 đến

nay và đã đăng ký kê khai 1992 và hiện nay đã cất 02 căn nhà kiên cố trên đất nguyên đơn cũng không có ngăn cản tranh chấp, từ những chứng cứ như đã nêu trên đủ cơ sở xác định rằng thửa đất 1332 là của phía bị đơn, việc nguyên đơn cho rằng không có đường nước là không có căn cứ, nguyên đơn cũng xác định bị đơn chỉ ngăn cản một phần thửa đất 1327 chứ không có ngăn cản toàn bộ thửa đất. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc bị đơn bồi thường 7.500.000 đồng là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn giữ nguyên án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Các đương sự có mặt tại phiên tòa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự ông Thạch P, bà Thạch Thị Y, bà Thạch Thị O, ông Thạch I, bà Thạch Thị R những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng việc vắng mặt của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án và việc giải quyết vụ án cũng không ảnh hưởng đến quyền lợi của những người này nên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử theo quy định pháp luật.

Về yêu cầu kháng cáo của bà Kim Thị R buộc bà Kiên Thị L, ông Lâm Thành N phải bồi thường thiệt hại cho bà số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng trong 05 năm mà bà L và ông N đã ngăn cản không cho bà canh tác và sử dụng thửa đất số 1327, tờ bản đồ số 9, diện tích 2.630m² (thực đo: 2.906m²) loại đất: LUC, tọa lạc: ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, Kiên Thị L, ông Lâm Thành N, Lâm Hoàng A, Lâm Thanh D phải trả lại cho bà thửa đất 1332, diện tích 470m² (thực đo: 457m²), tờ bản đồ số 9, loại đất CLN, tọa lạc: ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh và yêu cầu di dời 02 căn nhà trên phần đất này:

Xét thấy nguyên đơn khởi kiện bị đơn nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có kháng cáo cũng không đưa ra tài liệu chứng cứ chứng minh nào thửa đất 1332 là của nguyên đơn, tuy nhiên trong quá trình sử dụng đất cũng như tR thu thập tài liệu chứng cứ và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp, thửa đất này bị đơn đã sử dụng từ năm 1985 và năm 1992 đã đăng ký kê khai với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hiện nay bị đơn cũng đã cất 02 căn nhà trên thửa đất này và cũng không có tài liệu chứng minh từ khi bị đơn cất 02 căn nhà nêu trên phía nguyên đơn ngăn cản và có tranh chấp ra chính quyền địa phương. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã thu thập được và của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định rằng thửa đất 1332 là của bị đơn và giao cho bị đơn là có căn cứ.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản tR thời gian 05 năm không thể canh tác thửa đất 1327 với số tiền 20.000.000 đồng. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện cho bà Kim Thị R là anh S cũng thừa nhận phía bị đơn chỉ ngăn cản 01 phần thửa đất 1327 chứ không ngăn cản toàn bộ thửa đất 1327. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Kiên Thị L và ông Lâm Thành N bồi

thường thiệt hại cho bà R diện tích 01 công đất lúa (thời gian từ năm 2017 - năm 2021) là 5 năm, tính theo giá cho thuê đất tại thời điểm mà chính quyền địa phương cung cấp 01 công/ 01 năm bằng 1.500.000 đồng (01 công x 1.500.000đ x 05 năm = 7.500.000đ) là có căn cứ. Từ những phân tích nêu trên Vị kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn giữ nguyên án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy.

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm về người tham gia tố tụng: người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Thạch P, bà Thạch Thị Y, bà Thạch Thị O, ông Thạch I, bà Thạch Thị R vắng mặt lần thứ nhất không lý do, xét thấy người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt do không liên quan đến kháng cáo, không bị kháng nghị và việc giải quyết vụ án không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của những người này. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Nguồn gốc đất diện tích 2.630m² loại đất lúa, thuộc thửa 1327, và diện tích 470m² loại đất trồng màu (BHK), thuộc thửa 1332, cùng tờ bản đồ số 09, tọa lạc ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh bà Kim Thị R cho rằng vào ngày 02 tháng 5 năm 1994 do bà nhận chuyển nhượng của anh em ông Kim A, ông Kim És và bà Thạch Thị U có làm giấy tay có chính quyền địa phương xác nhận cho bà, với giá chuyển nhượng là 2,5 chỉ vàng 24K, đến ngày 25 tháng 12 năm 1999 thì bà Kim Thị R được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1327, diện tích 2.630m², còn thửa 1332, diện tích 470m² bà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong quá trình sử dụng làm ruộng bà R canh tác liên tục đến năm 2017 thì em ruột bà là bà Kiên Thị L cho rằng thửa 1327 đất lúa diện tích 2.630m² là của mẹ bà tên Ngô Thị E mua nhưng để cho bà R đứng tên gì bà R là chị cả trong gia đình, nay bà L yêu cầu bà R chia cho bà 01 công để canh tác lấy lúa ăn, bà R không đồng ý nên bà L cùng chồng là ông Lâm Thành N ra ngăn cản không cho bà R canh tác phần diện tích đất 2.630m² này, bà Kiên Thị L, và ông Lâm Thành N còn làm mái che lợp tôn xây tường lững gắn lưới B40, cất 01 căn nhà tường cấp 4, và Lâm Thanh D cất 01 căn nhà sau loại nhà tường cấp 4 trên phần đất diện tích 470m² thửa 1332.

Từ đó bà Kim Thị R khởi kiện yêu cầu bà Kiên Thị L, ông Lâm Thành N, và Lâm Thanh D trả lại đất lúa diện tích 2.630m² (diện tích thực đo 2.906m²) thuộc thửa 1327, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu của bà R giao cho bà R sử dụng các bên không kháng cáo, VKS không kháng nghị, phần này án có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét kháng cáo của bà Kim Thị R yêu cầu bà Kiên Thị L, ông Lâm Thành N, Lâm Hoàng A, Lâm Thanh D phải trả lại cho bà thửa đất 1332, diện tích 470m²

(thực đo: 457m²), tờ bản đồ số 9, loại đất CLN và di dời 01 căn nhà tường của Lâm Thành N, 01 mái che lợp tôn phía trước xây tường lững có gắn lưới B40, và 01 nhà sau loại nhà xây tường của Lâm Thanh D, có trên diện tích 470m² (diện tích thực đo là 457m²) thuộc thửa 1332, cùng bản đồ số 09, đất tọa lạc ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Hội đồng xét xử nhận thấy diện tích đất 470m² (thực đo 457m²) thửa 1332, là loại đất BHK (đất trồng màu) do ông ông Lâm Thành N kê khai đăng ký đứng bộ năm 1992 tại phiếu cung cấp thông tin ngày 28/12/2018, còn thửa đất 1327 cũng cùng năm 1992 do bà R kê khai, phần đất này của bà R nhận chuyển nhượng từ anh em ông Kim A là loại đất lúa, diện tích 2.630m² (thực đo 2.906m²) thuộc thửa 1327 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà R, như vậy cho thấy đây là 02 loại đất khác biệt nhau, nhưng do nằm liền kề nhau cùng tọa lạc ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Bà R cũng không đưa ra được loại giấy tờ gì để chứng minh là nhận chuyển nhượng của anh em ông Kim A loại đất trồng màu diện tích đất 470m² thửa 1332 này, theo giấy chuyển nhượng thành quả lao động giữa ông Kim A và bà Kim Thị R lập ngày 02/5/1994 thì diện tích 2.630m² loại đất ruộng (BL36), tại giấy xác nhận của ông Kim A vào ngày 19/8/2019 có bán cho bà R tổng cộng diện tích 3.000m² theo giấy xác nhận này cũng là loại đất ruộng (BL 37) nên diện tích 2.906m² theo kết quả đo đạc cũng gần tương đương diện tích 3.000m² mà ông Kim A xác nhận giấy tay đã chuyển nhượng cho bà Kim Thị R vào năm 1994. Điều đó chứng minh rằng ông Kim A chỉ chuyển nhượng cho bà R là đất ruộng không có đất trồng màu, hơn nữa bà R cho rằng thửa 1332 là của bà nhưng cùng thời gian trong quá trình đăng ký kê khai năm 1992 bà R chỉ kê khai thửa 1327 không kê khai thửa 1332 mà để cho ông Lâm Thành N kê khai, năm 1999 bà R được cấp quyền sử dụng đất thửa 1327 nhưng cũng không khiếu nại gì về thửa đất 1332 vợ chồng ông N bà L kê khai, sử dụng, theo lời khai của của ông Trần Văn Ư công chức Tư pháp xã và ông C công chức địa chính xã thửa 1332 chưa cấp quyền sử dụng đất là do năm 1993 bà Thạch Thị O tranh chấp với ông N, vợ chồng ông N bà L đã có quá trình sử dụng phần đất này trước khi bà Kim Thị R nhận chuyển nhượng đất của anh em ông Kim A và bà L, ông N đã xây nhà, vật kiến trúc cho các con ở ổn định, khi xây nhà thì phía bà R cũng không có ngăn cản. Từ cơ sở trên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị R công nhận thửa 1332, nhà và vật kiến trúc trên đất cho ông Lâm Thành N và bà Kiên Thị L là có căn cứ đúng pháp luật. Vì vậy kháng cáo của bà Kiên Thị R là không có căn cứ chấp nhận.

Xét kháng cáo của bà Kim Thị R yêu cầu bà Kiên Thị L, ông Lâm Thành N bồi thường thiệt hại do bà không canh tác được thửa 1327 trong thời gian từ năm 2017 cho đến năm 2021 số tiền bằng 20.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: tại phiên tòa phúc thẩm bà L, và ông N cũng thừa nhận có ngăn cản không cho bà R canh tác 01 công phần đất của bà được hưởng chứ không ngăn cản hết thửa 1327, việc bà L và ông N ngăn cản một phần đã được chứng minh qua lời khai của anh S tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, vì vậy có căn cứ cho rằng ông N và bà L không ngăn cản toàn bộ bà R sử dụng thửa đất 1327 là có cơ sở. Việc ngăn cản 01 công đất của thửa đất 1327 từ năm 2017 cho đến năm 2021 là có thật, thực tế đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích sử dụng đất của bà R. Từ đó Tòa

án cấp sơ thẩm buộc bà Kiên Thị L và ông Lâm Thành N bồi thường thiệt hại cho bà R diện tích 01 công đất lúa (thời gian từ năm 2017 - năm 2021) là 5 năm, tính theo giá cho thuê đất tại thời điểm mà chính quyền địa phương cung cấp 01 công/01 năm bằng 1.500.000 đồng (01 công x 1.500.000đ x 05 năm = 7.500.000đ) là có căn cứ. Vì vậy kháng cáo yêu cầu bồi thường thiệt hại 20.000.000 đồng của bà Kim Thị R là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Kim Thị R là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Kiên Thị L, và ông Lâm Thành N là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Quan điểm phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở phù hợp với pháp luật Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Kim Thị R là người dân tộc Khmer, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; nên bà Kim Thị R được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không bị cải sửa có hiệu lực thi hành kể từ khi hết hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 115, 158; Điều 159; Điều 164; Điều 169; Điều 170; Điều 189; Điều 190, Điều 584, 585 và 589 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 100; Điều 166; và 203 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Kim Thị R.

Giữ nguyên bản án số 16/2022/DS-ST ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện C.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị R yêu cầu bà Kiên Thị L và ông Lâm Thành N, và anh Lâm Hoàng A trả lại quyền sử dụng đất diện tích 470m² (thực đo 457m²) thuộc thửa 1332, tờ bản đồ số 09, loại đất BHK (đất trồng màu) tọa lạc ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh và yêu cầu di dời 01 căn nhà tường cấp 4 có diện tích 122,57m², 01 mái che phía trước xây tường lững có gắn lưới B40 diện tích 31,46m², và buộc Lâm Thanh D di dời căn nhà sau xây tường có diện tích 66,71m². Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Kiên Thị L và ông Lâm Thành N, Công nhận phần diện tích đất 470m² (thực đo 457m²) thuộc thửa

1332, tờ bản đồ số 09, loại đất BHK, tọa lạc ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sử dụng của hộ bà Kiên Thị L và ông Lâm Thành N

Đất có vị trí, kích thước tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa 1328;1329;1331, có kích thước đoạn 8,62m; đoạn 4,00m; đoạn 19,89m; đoạn 4,28m; đoạn 4,49m.

- Hướng Tây giáp thửa 1327, có kích thước 49,14m.

- Hướng Nam giáp thửa 1333, có kích thước 12,04m.

- Hướng Bắc giáp thửa 1316, có kích thước 11,36m.

(Kèm sơ đồ khu đất theo công văn số: 281/CNCT ngày 23/10/2020).

- Buộc bà Kiên Thị L và ông Lâm Thành N bồi thường thiệt hại do cản trở không cho bà Kim Thị R canh tác sử dụng diện tích 01 công đất nằm trong tổng diện tích 2.630m² (diện tích thực đo 2.906m²) thuộc thửa 1327, tờ bản đồ số 09, loại đất lúa, tọa lạc ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, trong thời gian từ năm 2017 đến năm 2021 với số tiền bằng 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (tất cả các khoản tiền) theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Kim Thị R được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không bị sửa đổi, bổ sung có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND C;
- Chi cục THADS C;
- Đường sự;
- Lưu: HS, TDS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thành